

Số: 907/QĐ-TDĐTĐN

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy ngành Quản lý Thể dục thể thao (Mã ngành: 7810301)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO ĐÀ NẴNG

Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-HĐT ngày 18 tháng 7 năm 2025 của Chủ tịch Hội đồng Trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Kế hoạch số 683/KH-TDĐTĐN ngày 04 tháng 6 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng ban hành Kế hoạch rà soát, cập nhật chương trình đào tạo, đề cương học phần của các chương trình đào tạo sau đánh giá ngoài và tự đánh giá;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo và Bảo đảm chất lượng giáo dục và Trưởng khoa Quản lý Thể dục thể thao,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy, ngành Quản lý Thể dục thể thao, mã ngành 7810301 (có nội dung kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký và được áp dụng từ khoá tuyển sinh năm 2025.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo và Bảo đảm chất lượng giáo dục, Trưởng khoa Quản lý Thể dục thể thao, Trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Chánh

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Giám hiệu, Chủ tịch HĐT;
- Các đơn vị;
- Website Trường;
- Lưu: VT, ĐT&BDCLGD.

HIỆU TRƯỞNG



Phan Thanh Hải

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO ĐÀ NẴNG



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ đào tạo: Đại học
Tên chương trình: Cử nhân Quản lý Thể dục thể thao
Ngành đào tạo: Quản lý Thể dục thể thao
Mã ngành: 7810301
Tên chuyên ngành:

1. Thể thao giải trí
2. Tổ chức sự kiện và truyền thông thể thao

Tên tiếng Anh : Sport Management
Loại hình đào tạo : Chính quy
Hình thức đào tạo : Tập trung

Đà Nẵng, 2025

Handwritten signature

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 907/QĐ-TDĐTĐN ngày 18 tháng 7 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học TDTT Đà Nẵng)

Tên chương trình đào tạo: **Cử nhân Quản lý Thể dục thể thao**
Trình độ đào tạo: **Đại học**
Ngành đào tạo: **Quản lý Thể dục thể thao** Mã ngành: **7810301**
Tên chuyên ngành: **1. Thể thao giải trí**
2. Tổ chức sự kiện và truyền thông thể thao

1. Mục tiêu chương trình đào tạo (Program Objectives – POs)

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo cử nhân Quản lý Thể dục thể thao hướng tới mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội, có kiến thức khoa học cơ bản về quản lý thể dục thể thao, có kỹ năng nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và sáng tạo, đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành Thể dục thể thao trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập quốc tế.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Ký hiệu	Mục tiêu
2.2.1	Kiến thức
PO1	Kiến thức về chính trị, pháp luật, quản lý hành chính nhà nước và quản lý thể dục thể thao (TDTT), phù hợp với Luật TDTT và các quy định pháp luật hiện hành, giúp sinh viên giải quyết hiệu quả các vấn đề quản lý trong lĩnh vực TDTT.
PO2	Kiến thức cơ bản về quản lý cơ sở vật chất, tổ chức và vận hành câu lạc bộ TDTT, sự kiện thể thao, marketing và kinh doanh dịch vụ TDTT, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của thể thao chuyên nghiệp, thể thao cộng đồng và TTGT
PO3	Hệ thống hóa kiến thức khoa học TDTT cùng với các kiến thức bổ trợ để phân tích, hoạch định và phát triển các hoạt động TDTT phong trào và thể thao thành tích cao.
2.2.2	Kỹ năng
PO4	Phát triển và đánh giá kỹ năng tổ chức, quản lý và điều hành các hoạt động TDTT ở các cấp độ, đảm bảo tuân thủ pháp luật, tính hiệu quả xã hội và đáp ứng nhu cầu thực tiễn của ngành.
PO5	Ứng dụng thành thạo công nghệ số, phân tích dữ liệu, truyền thông đa phương tiện và ngoại ngữ chuyên ngành TDTT để nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành và hội nhập quốc tế trong lĩnh vực TDTT.

Handwritten signature

Ký hiệu	Mục tiêu
PO6	Phát triển năng lực khởi nghiệp, tư vấn, đầu tư và quản trị kinh doanh TDDT, có khả năng xây dựng, vận hành và đánh giá các mô hình dịch vụ, sự kiện và doanh nghiệp TDDT phù hợp với xu hướng thị trường và chuyển đổi số.
2.2.3	Thái độ
PO7	Có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm xã hội, ý thức tuân thủ pháp luật và năng lực lãnh đạo, đáp ứng yêu cầu đạo đức và chuyên nghiệp của nhà quản lý TDDT hiện đại.
PO8	Phát triển thái độ chủ động, sáng tạo, cầu thị, năng lực tự học suốt đời và nghiên cứu khoa học, sẵn sàng tham gia đổi mới sáng tạo, học tập ở bậc cao hơn và hội nhập quốc tế trong lĩnh vực TDDT.

1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes: PLOs)

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo
3.1	Kiến thức
PLO1	Vận dụng và phân tích hệ thống kiến thức chính trị, pháp luật, quản lý hành chính và quản lý nhà nước trong lĩnh vực TDDT để giải quyết các tình huống quản lý và điều hành thực tiễn.
PLO2	Áp dụng, đánh giá và tích hợp kiến thức cơ bản về quản lý cơ sở vật chất, câu lạc bộ TDDT, tổ chức sự kiện, marketing và kinh doanh dịch vụ TDDT để thiết kế và thực hiện các kế hoạch phát triển thể thao bền vững.
PLO3	Vận dụng sáng tạo kiến thức khoa học TDDT và kiến thức bổ trợ để phân tích, hỗ trợ quản lý, hướng dẫn và phát triển phong trào TDDT.
3.2	Kỹ năng
PLO4	Tổ chức, điều hành và đánh giá các hoạt động, sự kiện TDDT một cách chuyên nghiệp, tuân thủ pháp luật và đảm bảo hiệu quả tổ chức, an toàn, tính cộng đồng và tính bền vững.
PLO5	Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam (tương đương với B1 khung châu Âu). Chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản (theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT). Ứng dụng thành thạo công nghệ số, phân tích dữ liệu, công cụ truyền thông hiện đại và ngoại ngữ chuyên ngành TDDT, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, hợp tác và hội nhập quốc tế.
PLO6	Phân tích, xây dựng và quản trị hiệu quả các mô hình khởi nghiệp, tư vấn, đầu tư, kinh doanh dịch vụ TDDT và tổ chức sự kiện thể thao, phù hợp với nhu cầu thị trường và xu hướng phát triển của ngành.
3.3	Năng lực tự chủ và trách nhiệm
PLO7	Thể hiện năng lực tự chủ, lãnh đạo, phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội trong hoạt động quản lý, điều hành và phát triển TDDT ở các cấp độ khác nhau.
PLO8	Chủ động học tập, nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và tự bồi dưỡng chuyên môn, sẵn sàng học tiếp ở bậc cao hơn và tham gia hội nhập quốc tế trong lĩnh vực TDDT.

Chanh

1.4. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên ngành Quản lý TDTT có khả năng đảm nhận nhiều vị trí công việc đa dạng và phù hợp với chuyên môn tại các cơ quan, tổ chức thuộc lĩnh vực TDTT, cụ thể:

- *Cơ quan quản lý nhà nước về TDTT*: Làm việc tại các sở, phòng, ban quản lý TDTT các cấp; thực hiện công tác quản lý nhà nước, tham mưu xây dựng, triển khai, giám sát các chính sách, kế hoạch, dự án phát triển TDTT cộng đồng và phong trào quần chúng.

- *Đơn vị sự nghiệp công lập, liên đoàn, hiệp hội thể thao*: Đảm nhiệm vai trò cán bộ quản lý, điều hành hoạt động tại các trung tâm TDTT, nhà văn hóa, liên đoàn, hiệp hội thể thao các cấp; tổ chức và quản lý các giải thi đấu, sự kiện, phong trào thể thao quần chúng.

- *Câu lạc bộ, trung tâm thể thao chuyên nghiệp và bán chuyên*: Thực hiện công tác quản lý điều hành, vận hành cơ sở vật chất, quản lý tổ chức hoạt động huấn luyện, đào tạo, chăm sóc khách hàng, phát triển dịch vụ và xây dựng hình ảnh CLB.

- *Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ TDTT*: Làm việc tại các công ty tổ chức sự kiện, công ty du lịch thể thao, khu nghỉ dưỡng, sân golf, trung tâm yoga, thể hình – fitness, khu thể thao giải trí; đảm nhiệm các vị trí quản lý, phát triển kinh doanh, marketing, dịch vụ khách hàng.

- *Tổ chức phi chính phủ, dự án cộng đồng*: Tham gia các dự án, chương trình phát triển TDTT cộng đồng, thể thao học đường, thể thao vì sức khỏe; thực hiện điều phối, truyền thông, huy động nguồn lực xã hội.

- *Khởi nghiệp trong lĩnh vực TDTT*: Có khả năng khởi nghiệp, tự thành lập, điều hành câu lạc bộ thể thao, trung tâm huấn luyện, công ty tổ chức sự kiện, dịch vụ du lịch thể thao, studio thể hình, cửa hàng kinh doanh thiết bị – dụng cụ thể thao.

- *Tư vấn, tổ chức sự kiện TDTT*: Làm chuyên gia tư vấn, hoạch định kế hoạch tổ chức giải đấu, lễ hội, SKTT ở các cấp độ từ địa phương đến quốc gia, quốc tế.

- *Nghiên cứu, học tập bậc cao*: Có khả năng tiếp tục học tập, nghiên cứu chuyên sâu ở bậc học cao hơn như thạc sĩ, tiến sĩ trong lĩnh vực Quản lý TDTT, Quản lý công, Quản trị kinh doanh thể thao hoặc các chuyên ngành liên quan khác.

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá

Khối lượng kiến thức toàn khóa học gồm **130 tín chỉ**, không kể học phần Giáo dục quốc phòng, An ninh.

TT	KHỐI KIẾN THỨC	Số tín chỉ	Tỷ lệ %	Số tín chỉ	
				Bắt buộc	Tự chọn
1	Khối kiến thức giáo dục đại cương	26	20.00	24	2
1.1	Lý luận chính trị và pháp luật	13	10.00	13	-
1.2	Khoa học xã hội	4	3.08	2	2
1.3	Toán – tin, công nghệ	3	2.31	3	-
1.4	Ngoại ngữ	6	4.62	6	-
2	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	104	80.00	82	22
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	20	15.38	16	4
2.2	Kiến thức ngành, chuyên ngành	36	27.69	32	4
2.3	Kiến thức nghiệp vụ, khoá luận	36	27.69	20	16

2.4	Kiến thức thực tập, kiến tập, thực tế	12	9.23	12	-
TỔNG		130	100	106	24

4. Đối tượng tuyển sinh

Theo Quy chế tuyển sinh đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh của trường Đại học TDTT Đà Nẵng.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

5.1. Quy trình đào tạo

Theo thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế đào tạo trình độ đại học và Quy định đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ.

5.2. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được công nhận tốt nghiệp nếu hội đủ các điều kiện sau:

- Tích lũy các học phần và số tín chỉ quy định trong chương trình đào tạo; Điểm trung bình chung của các học phần đạt từ 2,0 trở lên.
- Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập trong năm học cuối.
- Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng.

6. Cách thức đánh giá

Theo thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế đào tạo trình độ đại học

7. Nội dung chương trình đào tạo

TT/Mã số học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số TC	Số Tiết	Khối lượng kiến thức			
					LT	TH	Thực tế	Tự học
1	Kiến thức giáo dục đại cương		26	390	390			910
1.1	Khối kiến thức Lý luận chính trị và pháp luật		13					
DCTH7001	Triết học Mác – Lênin	Kết thúc học phần, sinh viên có khả năng: Trình bày và giải thích được những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về triết học. Phân tích mối quan hệ biện chứng giữa các phạm trù và quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật. Vận dụng thế giới quan, phương pháp luận khoa học vào nhận thức và cải tạo hiện thực. Liên hệ lý luận với thực tiễn để giải quyết các vấn đề trong học tập và đời sống.	3	45	45			105
DCKT7002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Kết thúc học phần, sinh viên có khả năng: Trình bày và giải thích được những nguyên lý cơ	2	30				70

Chanh

TT/Mã số học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số TC	Số Tiết	Khối lượng kiến thức			
					LT	TH	Thực tế	Tự học
		bản của kinh tế chính trị Mác - Lênin. Phân tích các quy luật kinh tế cơ bản của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. So sánh được các hình thái kinh tế - xã hội và tính tất yếu của quá trình chuyển đổi. Vận dụng lý luận vào phân tích các vấn đề kinh tế - xã hội đương đại.						
DCCN7003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Kết thúc học phần, sinh viên có khả năng: Trình bày hệ thống khái niệm, đặc trưng và quy luật của chủ nghĩa xã hội khoa học. Phân tích tính tất yếu và nội dung của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đánh giá các mô hình chủ nghĩa xã hội trong lịch sử và hiện tại. Vận dụng lý luận vào phân tích các vấn đề xã hội đương đại.	2	30				70
DCTT7005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Kết thúc học phần, sinh viên có khả năng: Phân tích cơ sở hình thành, quá trình phát triển và giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh. Trình bày hệ thống quan điểm toàn diện về các vấn đề dân tộc, độc lập và chủ nghĩa xã hội. Vận dụng tư tưởng HCM vào giải quyết các vấn đề thực tiễn. Xác định trách nhiệm trong việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức HCM.	2	30				70
DCDL7006	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Kết thúc học phần, SV có khả năng: Trình bày quá trình ra đời, phát triển và những mốc lịch sử quan trọng của Đảng CSVN. Phân tích đường lối lãnh đạo của Đảng qua các thời kỳ cách mạng. Đánh giá thành tựu, bài học kinh nghiệm trong quá trình lãnh đạo của Đảng. Vận dụng kiến thức lịch sử Đảng vào thực tiễn xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.	2	30				70
DCPL7007	Pháp luật đại cương	Kết thúc học phần, SV có khả năng: Trình bày những kiến thức cơ bản về nhà nước, pháp luật và hệ thống pháp luật Việt Nam. Phân tích nội dung cơ bản của các ngành luật chủ yếu trong hệ thống	2	30				70

Chanh

TT/Mã số học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số TC	Số Tiết	Khối lượng kiến thức			
					LT	TH	Thực tế	Tự học
		pháp luật Việt Nam. So sánh và đánh giá các vấn đề pháp lý cơ bản trong thực tiễn. Vận dụng kiến thức pháp luật để giải quyết các tình huống pháp lý cơ bản.						
1.2	Khoa học xã hội		4	60	60			120
DCKT7015	Quản lý hành chính nhà nước	Kết thúc học phần, SV có khả năng: Trình bày hệ thống tổ chức và nguyên tắc hoạt động của nền hành chính nhà nước. Phân tích cơ chế vận hành và phương thức quản lý trong các lĩnh vực hành chính công. Áp dụng các quy định pháp luật về thủ tục hành chính trong thực tiễn công vụ. Đánh giá hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước.	2	30	30			70
Học phần Khoa học xã hội (tự chọn): 2/6								
DCTV7019	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Kết thúc học phần, sinh viên có khả năng: Trình bày được những đặc trưng cơ bản và giá trị bản sắc của văn hóa Việt Nam. Phân tích các thành tố văn hóa, quy luật hình thành và phát triển của văn hóa Việt Nam. Đánh giá được mối quan hệ giữa văn hóa truyền thống và hiện đại trong bối cảnh hội nhập. Vận dụng kiến thức về văn hóa Việt Nam vào tổ chức các hoạt động cộng đồng và phát triển xã hội.	2*	30	30			70
DCTT7017	Hành chính văn thư lưu trữ	Kết thúc học phần, SV có khả năng: Trình bày các quy định pháp luật về soạn thảo, quản lý văn bản và công tác lưu trữ. Phân loại và quản lý hệ thống văn bản hành chính trong các cơ quan, tổ chức. Áp dụng các nguyên tắc lưu trữ khoa học trong sắp xếp, bảo quản hồ sơ, tài liệu. Vận dụng kỹ năng soạn thảo và xử lý văn bản hành chính đúng quy định.	2*	30				70
DCLT7018	Tiếng việt thực hành	Kết thúc học phần, sinh viên có khả năng: Xây dựng văn bản khoa học theo cấu trúc chuẩn, bao gồm đề cương, phân tích và tổng	2*	30				70

Thanh

TT/Mã số học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số TC	Số Tiết	Khối lượng kiến thức			
					LT	TH	Thực tế	Tự học
		thuật tài liệu. Phân tích cấu trúc ngữ pháp, xác định và sửa lỗi trong câu tiếng Việt. Đánh giá và hiệu đính các loại văn bản thông dụng trong học thuật và đời sống. Vận dụng kỹ năng ngôn ngữ để trình bày, phản biện và truyền đạt thông tin hiệu quả.						
1.3	Tin học công nghệ		3	45	45			90
DCTI 7013	Tin học ứng dụng và công nghệ số	Học phần này SV cần đạt được năng lực sử dụng thành thạo các công cụ tin học văn phòng, phần mềm chuyên ngành thể thao, cũng như các ứng dụng quản lý, phân tích dữ liệu và thiết kế nội dung số. SV được trang bị kỹ năng tìm kiếm, xử lý và khai thác thông tin trên nền tảng số; ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và công nghệ số trong học tập, nghiên cứu và tổ chức sự kiện thể thao. Nội dung học phần đáp ứng và phù hợp yêu cầu chuyển đổi số trong giáo dục đại học theo Thông tư 02/2025/TT-BGDĐT	3	45	45			105
1.4	Ngoại ngữ		6	90	90			180
DCNN7011	Tiếng Anh tổng quát	Kết thúc học phần, sinh viên có khả năng nói và viết Tiếng Anh về những chủ đề cơ bản về kỹ năng giao tiếp thông dụng trong tập luyện và thi đấu thể thao.	3	45	45			105
DCNN7012	Tiếng Anh Thể thao	Kết thúc học phần sinh viên có khả năng sử dụng các thuật ngữ Tiếng Anh chuyên ngành trong lĩnh vực chuyên ngành thể thao;	3	45	45			105
	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	Nội dung học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh gồm các nội dung ban hành tại Thông tư số 31/2012/TT- BGDĐT, ngày 12/9/2012						
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		104					
2.1	Kiến thức cơ sở ngành		20	300	300			700
CSLL7024	Lý luận và phương pháp GDTC	Kết thúc học phần, SV có khả năng: Trình bày hệ thống lý luận và nguyên tắc cơ bản về phương	2	30	30			70

TT/Mã số học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số TC	Số Tiết	Khối lượng kiến thức			
					LT	TH	Thực tế	Tự học
		pháp GDTC. Phân tích mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn trong hoạt động GDTC. Vận dụng phương pháp khoa học trong tổ chức và quản lý hoạt động GDTC. Đánh giá hiệu quả các phương pháp tập luyện thể thao.						
CSTL7020	Tâm lý TDTT	Kết thúc học phần, SV có khả năng: Phân tích đặc điểm tâm lý của VĐV và người tham gia hoạt động TDTT. Đánh giá các yếu tố tâm lý ảnh hưởng đến thành tích và sự phát triển trong thể thao. Vận dụng kiến thức tâm lý học trong huấn luyện và quản lý hoạt động TDTT. Xây dựng các giải pháp tâm lý nhằm nâng cao hiệu quả tập luyện và thi đấu.	2	30	30			70
CSVSV7030	Vệ sinh TDTT	Kết thúc học phần, SV có khả năng: Trình bày các nguyên tắc vệ sinh cơ bản trong tập luyện và thi đấu thể thao. Phân tích mối quan hệ giữa vệ sinh môi trường, dinh dưỡng và sức khỏe VĐV. Áp dụng các biện pháp vệ sinh phòng bệnh và bảo vệ sức khỏe trong hoạt động TDTT. Đánh giá các yếu tố nguy cơ và đề xuất giải pháp vệ sinh trong cơ sở TDTT.	2	30	30			70
CSGP7031	Giải phẫu học TDTT	Kết thúc học phần, sinh viên có khả năng: Mô tả cấu trúc và chức năng của hệ vận động và các hệ cơ quan liên quan trong cơ thể người. Phân tích mối liên hệ giữa cấu trúc giải phẫu và hoạt động thể chất trong TDTT. Nhận diện các cấu trúc giải phẫu chính tham gia vào vận động thể thao. Ứng dụng kiến thức giải phẫu trong phân tích kỹ thuật và phòng ngừa chấn thương.	2	30	30			70
CSSL7032	Sinh lý học TDTT	Kết thúc học phần, sinh viên có khả năng: Trình bày cơ chế hoạt động của các hệ cơ quan trong cơ thể khi vận động thể thao. Phân tích những thay đổi sinh lý của cơ thể khi tập luyện và thi đấu. Đánh	2	30	30			70

Thanh

TT/Mã số học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số TC	Số Tiết	Khối lượng kiến thức			
					LT	TH	Thực tế	Tự học
		giá khả năng thích nghi của cơ thể dưới tác động của hoạt động thể thao. Vận dụng kiến thức sinh lý học vào huấn luyện và nâng cao thành tích thể thao.						
CSQL7042	Quản lý TDTT	Kết thúc học phần, SV có khả năng: Trình bày các nguyên tắc, mô hình và chức năng cơ bản của quản lý thể thao. Phân tích cơ cấu tổ chức, quy trình vận hành và sự phát triển của quản lý thể thao như một ngành khoa học. Vận dụng các nguyên tắc quản lý vào thực tiễn lập kế hoạch, tổ chức và giám sát hoạt động thể thao. Thể hiện sự hiểu biết về thực hành hành chính và quản trị nguồn lực trong môi trường thể thao.	2	30	30			70
CSDH7027	Phương pháp nghiên cứu khoa học TDTT	Kết thúc học phần, SV có khả năng: Trình bày các phương pháp và quy trình nghiên cứu khoa học cơ bản trong TDTT. Thiết kế đề cương nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực TDTT. Áp dụng các phương pháp thu thập và xử lý số liệu nghiên cứu TDTT. Phân tích và đánh giá kết quả nghiên cứu khoa học trong TDTT.	2	30	30			70
CSTK7028	Toán học thống kê trong TDTT	Kết thúc học phần, SV có khả năng: Xử lý và phân tích dữ liệu thống kê trong lĩnh vực TDTT. Áp dụng các phương pháp thống kê để đánh giá kết quả nghiên cứu và huấn luyện. Diễn giải ý nghĩa của các chỉ số thống kê trong thực tiễn TDTT. Sử dụng công cụ thống kê để dự báo và ra quyết định trong quản lý TDTT.	2	30	30			70
	Kiến thức cơ sở ngành tự chọn nhóm 1 (2/4 TC)							
CSDD7033	Dinh dưỡng TDTT	Kết thúc học phần, sinh viên có khả năng: Phân tích nhu cầu dinh dưỡng và nguyên tắc hồi phục cho vận động viên. Đánh giá chế độ dinh dưỡng và phương pháp hồi phục phù hợp với từng môn thể thao. Tư vấn chế độ dinh dưỡng và kế hoạch hồi phục cho	2*	30	30			70

TT/Mã số học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số TC	Số Tiết	Khối lượng kiến thức			
					LT	TH	Thực tế	Tự học
		người tập luyện thể thao. Ứng dụng kiến thức dinh dưỡng và hồi phục vào thực tiễn huấn luyện.						
CSYH7036	Y học TDTT	Kết thúc học phần, SV có khả năng: Nhận diện các loại chấn thương thường gặp và nguyên nhân trong hoạt động TDTT. Phân tích cơ chế chấn thương và các phương pháp chẩn đoán cơ bản. Áp dụng các kỹ thuật sơ cứu và xử trí ban đầu đối với chấn thương TDTT. Đề xuất các biện pháp phòng ngừa và phục hồi chức năng sau chấn thương.	2*	30	30			70
Kiến thức cơ sở ngành tự chọn nhóm 2 (2/4 TC)								
CSDL7029	Đo lường thể thao	Kết thúc học phần, SV có khả năng: Áp dụng các phương pháp và công cụ đo lường trong đánh giá thể lực, kỹ thuật VĐV. Phân tích số liệu đo lường để đánh giá hiệu quả tập luyện và thi đấu. Thiết kế hệ thống đo lường phù hợp cho các môn thể thao khác nhau. Ứng dụng kết quả đo lường trong tuyển chọn và huấn luyện VĐV.	2*	30	30			70
CSLS7022	Lịch sử TDTT	Kết thúc học phần, SV có khả năng: Trình bày quá trình hình thành và phát triển của thể dục thể thao thế giới và Việt Nam. Phân tích các giá trị văn hóa, xã hội của TDTT qua các thời kỳ lịch sử. Đánh giá ảnh hưởng của các yếu tố lịch sử, văn hóa đến sự phát triển TDTT. Vận dụng kiến thức lịch sử vào công tác phát triển và quản lý TDTT hiện đại.	2*	30	30			70
2.2	Kiến thức ngành		16	240	240			560
NGLU7068	Luật và chính sách TDTT	Học phần này giúp SV: Xác định và làm rõ các nguyên tắc, hệ thống luật pháp cơ bản được áp dụng trong quản lý TDTT. Phân tích chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển TDTT. Liên hệ kiến thức pháp luật để giải quyết các tình huống cụ thể phát sinh trong thực tiễn	2	30	30			70

TT/Mã số học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số TC	Số Tiết	Khối lượng kiến thức			
					LT	TH	Thực tế	Tự học
		hoạt động TĐTT. Ứng dụng các quy định pháp luật và chính sách về TĐTT vào công tác quản lý chuyên môn và nghiệp vụ.						
NGGT7074	Quản lý Thể thao giải trí	Kết thúc học phần, SV có khả năng: Giải thích các khái niệm, lý thuyết và nguyên tắc quản lý cơ bản trong lĩnh vực TTGT. Phân tích đặc điểm, xu hướng phát triển và mô hình kinh doanh của ngành công nghiệp TTGT. Áp dụng các phương pháp quản lý vào việc tổ chức, vận hành và đánh giá các sự kiện, dịch vụ TTGT. Làm rõ các quy trình, chính sách và giải pháp quản lý rủi ro trong hoạt động TTGT	2	30	30			70
NGVC7069	Quản lý cơ sở vật chất TĐTT	Kết thúc học phần, SV có khả năng: Giải thích được tầm quan trọng của công tác lập kế hoạch, quản lý và bảo trì CSVC, thiết bị TĐTT. Xác định được các vấn đề và thách thức thực tế trong quá trình quản lý, vận hành CSVC TĐTT. Áp dụng kiến thức để thiết kế các quy trình, hướng dẫn quản lý cụ thể cho từng loại hình CSVC TĐTT. Phân tích và đề xuất giải pháp tối ưu hóa hiệu quả sử dụng và khai thác CSVC TĐTT.	2	30	30			70
NGMK7072	Marketing TĐTT	Kết thúc học phần, sinh viên có khả năng: Phân tích vai trò, chức năng và tác động của marketing trong lĩnh vực thể dục thể thao. Áp dụng các nguyên lý và công cụ marketing vào thực tiễn quản lý, phát triển sản phẩm và dịch vụ TĐTT. Xây dựng kế hoạch marketing tổng thể cho các sự kiện, tổ chức và thương hiệu thể thao. Đánh giá hiệu quả của các chiến dịch marketing và đề xuất giải pháp điều chỉnh phù hợp.	2	30	30			70
NGSK7071	Tổ chức sự kiện TĐTT	Kết thúc học phần, sinh viên có khả năng: Trình bày được các nguyên tắc, quy trình và phương pháp tổ chức sự kiện thể thao	2	30	30			70

Thành

TT/Mã số học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số TC	Số Tiết	Khối lượng kiến thức			
					LT	TH	Thực tế	Tự học
		chuyên nghiệp. Phân tích và đánh giá được các yếu tố ảnh hưởng đến sự thành công của sự kiện thể thao. Xây dựng được kế hoạch tổ chức và quản lý sự kiện thể thao hoàn chỉnh. Vận dụng được các kỹ năng quản lý thực tế trong điều hành và giám sát sự kiện thể thao.						
NGKT7070	Kinh tế TDTT	Kết thúc học phần, SV có khả năng: Phân tích các mô hình kinh tế, cơ chế thị trường và các nhân tố ảnh hưởng đến ngành công nghiệp thể thao. Đánh giá tác động của các yếu tố kinh tế vĩ mô và vi mô đến hoạt động TDTT. Vận dụng các nguyên lý kinh tế trong việc hoạch định chính sách và quản lý tài chính trong lĩnh vực TDTT. Nhận diện các cơ hội và thách thức kinh tế trong phát triển TDTT ở các cấp độ khác nhau	2	30	30			70
Kiến thức ngành tự chọn nhóm 1 (2/6 tín chỉ)								
CSTC7043	Quản lý Thể thao thành tích cao	Kết thúc học phần, SV có khả năng: Phân tích hệ thống tổ chức, quản lý và các yếu tố then chốt trong thể thao thành tích cao. Đánh giá hiệu quả của các mô hình quản lý huấn luyện, thi đấu và phát triển VĐV. Xây dựng kế hoạch quản lý chuyên sâu cho các đội tuyển và trung tâm đào tạo thể thao. Ứng dụng các giải pháp quản lý hiện đại nhằm nâng cao thành tích thể thao.	2*	30	30			70
NGQL70190	Quản lý tổ chức thi đấu TT	Kết thúc học phần, SV có khả năng: Mô tả các nguyên tắc cơ bản và quy trình tổ chức thi đấu thể thao chuyên nghiệp. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến công tác quản lý và tổ chức giải đấu thể thao. Xây dựng kế hoạch tổ chức và điều hành giải đấu thể thao hoàn chỉnh. Đánh giá hiệu quả công tác tổ chức và đề xuất giải pháp cải tiến.	2*	30	30			70
NGNL7073	Quản trị	Kết thúc học phần, sinh viên có khả năng: Phân tích các mô hình	2*	30	30			70

TT/Mã số học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số TC	Số Tiết	Khối lượng kiến thức			
					LT	TH	Thực tế	Tự học
	nhân lực TDTT	và nguyên tắc quản trị nhân lực ứng dụng trong lĩnh vực TDTT. Đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý nguồn nhân lực trong tổ chức thể thao. Xây dựng hệ thống quản lý nhân sự cho các đơn vị, tổ chức TDTT. Giải quyết các vấn đề nhân sự phát sinh trong môi trường thể thao chuyên nghiệp.						
Kiến thức ngành tự chọn nhóm 2 (2/6 tín chỉ)								
NGKN7075	Khởi nghiệp trong TDTT	Kết thúc học phần, SV có khả năng: Phân tích thị trường và xác định cơ hội khởi nghiệp trong lĩnh vực TDTT. Đánh giá tính khả thi của các mô hình kinh doanh và dự án khởi nghiệp TDTT. Xây dựng kế hoạch kinh doanh và kêu gọi vốn đầu tư cho dự án khởi nghiệp. Ứng dụng các công cụ quản lý và phát triển thương hiệu trong kinh doanh thể thao	2*	30	30			70
NGQL70188	Kế hoạch hóa TDTT	Kết thúc học phần, SV có khả năng: Phân tích và đánh giá các phương pháp lập kế hoạch chiến lược phát triển TDTT. Xây dựng kế hoạch phát triển TDTT ở các cấp độ (quốc gia, địa phương, cơ sở). Ứng dụng các công cụ và kỹ thuật hiện đại trong công tác kế hoạch hóa TDTT. Đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác kế hoạch hóa và quản lý phát triển TDTT.	2*	30	30			70
CSXH7040	Xã hội học TDTT	Kết thúc học phần, SV có khả năng: Phân tích vai trò và ảnh hưởng của TDTT trong đời sống xã hội. Đánh giá tác động của các yếu tố văn hóa, kinh tế, chính trị đến sự phát triển TDTT. Nhận diện các vấn đề xã hội trong lĩnh vực TDTT và đề xuất giải pháp. Ứng dụng kiến thức xã hội học trong hoạt động quản lý và phát triển TDTT.	2*	30	30			70

Thanh

2.3	Thể thao chuyên ngành		20	300	90	150	60	700
2.3.1	Chuyên ngành: Thể thao giải trí							
CNGD7077	Chuyên ngành 1: Khái quát về TTGT và phát triển nền tảng thể lực	Kết thúc học phần, sinh viên có khả năng: Phân biệt được bản chất, vai trò và giá trị của thể thao giải trí so với thể thao thành tích cao. Phân tích mối quan hệ giữa phát triển thể lực và hiệu quả hoạt động trong thể thao giải trí. Thiết kế chương trình phát triển thể lực phù hợp với các nhóm đối tượng tham gia thể thao giải trí. Áp dụng các bài tập thể lực vào tổ chức hoạt động thể thao giải trí an toàn, hiệu quả.	4	60	30	30		140
CNGD7078	Chuyên ngành 2: Tổ chức sự kiện thể thao và các hoạt động TTGT với các môn bóng	Kết thúc học phần, sinh viên có khả năng: Phân tích quy trình tổ chức sự kiện thể thao và vai trò của các môn bóng trong hoạt động giải trí. Thiết kế kế hoạch tổ chức sự kiện thể thao giải trí kết hợp các môn bóng. Vận dụng kỹ năng quản lý và điều phối hoạt động thể thao giải trí sử dụng các môn bóng. Đánh giá hiệu quả và tác động của sự kiện thể thao giải trí đến cộng đồng.	4	60	15	30	15	140
CNGD7079	Chuyên ngành 3: Thể thao nước, phương pháp cứu đuối, cứu hộ dưới nước	Kết thúc học phần, SV có khả năng: Thực hiện kỹ thuật bơi an toàn và các phương pháp cứu đuối, cứu hộ cơ bản. Nhận diện và đánh giá nguy cơ tai nạn trong môi trường thể thao dưới nước. Vận dụng kiến thức và kỹ năng để xử lý các tình huống khẩn cấp dưới nước. Tổ chức và hướng dẫn hoạt động thể thao nước an toàn cho các nhóm đối tượng.	4	60	15	30	15	140
CNGD7080	Chuyên ngành 4: Tổ chức Lễ hội và các môn thể thao dân tộc	Kết thúc học phần, sinh viên có khả năng: Phân tích giá trị văn hóa và ý nghĩa của lễ hội, thể thao dân tộc trong phát triển du lịch. Nhận diện và phân loại hệ thống các môn thể thao dân tộc tiêu biểu. Xây dựng kế hoạch tổ chức lễ hội kết hợp thể thao dân tộc. Vận dụng kiến thức để bảo tồn và phát huy giá trị thể thao truyền thống.	4	60	15	30	15	140

Thanh

CNGD7081	Chuyên ngành 5: Xây dựng dự án và định hướng nghề nghiệp trong lĩnh vực thể thao giải trí	Kết thúc học phần, sinh viên có khả năng: Xác định cơ hội nghề nghiệp và xu hướng phát triển trong lĩnh vực thể thao giải trí. Phân tích tính khả thi của các dự án khởi nghiệp trong lĩnh vực thể thao giải trí. Xây dựng dự án kinh doanh thể thao giải trí hoàn chỉnh. Phát triển kỹ năng nghề nghiệp và định hướng phát triển cá nhân trong ngành.	4	60	15	30	15	140
2.3.2	Chuyên ngành: Tổ chức sự kiện và Truyền thông thể thao							
CNGD7077	Chuyên ngành 1: Tổng quan về Tổ chức sự kiện Thể thao	Kết thúc học phần, SV được trang bị những hiểu biết cơ bản về khái niệm, vai trò, đặc điểm và phân loại sự kiện thể thao; nắm được quy trình lập kế hoạch, tổ chức, quản lý và đánh giá hiệu quả các sự kiện thể thao ở nhiều quy mô và loại hình khác nhau.	4	60	30	30		140
CNGD7078	Chuyên ngành 2: Lập kế hoạch & Quản lý sự kiện Thể thao	Học phần này giúp người học nắm vững quy trình xây dựng, triển khai và giám sát kế hoạch tổ chức sự kiện thể thao; biết phân bổ nguồn lực, nhân sự, tài chính và truyền thông một cách hiệu quả; phát triển kỹ năng quản lý rủi ro, đánh giá hiệu quả và ứng dụng công nghệ trong điều hành sự kiện thể thao chuyên nghiệp.	4	60	30	15	15	140
CNGD7079	Chuyên ngành 3: Marketing và Tài trợ cho sự kiện Thể thao	Học phần này giúp người học hiểu rõ vai trò của marketing trong tổ chức sự kiện thể thao; biết xây dựng chiến lược quảng bá, phát triển thương hiệu, thu hút khán giả và đối tác tài trợ; đồng thời rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch truyền thông, quản lý tài trợ và đánh giá hiệu quả chiến dịch marketing thể thao.	4	60	30	15	15	140
CNGD7080	Chuyên ngành 4: Truyền thông thể thao & Mạng xã hội	Học phần này giúp sinh viên nắm vững các khái niệm, nguyên tắc và công cụ truyền thông trong lĩnh vực thể thao; biết cách xây dựng nội dung, quản lý hình ảnh, thương hiệu cá nhân và tổ chức thể thao trên nền tảng số; rèn luyện kỹ năng sử dụng mạng xã hội để quảng bá, tương tác và	4	60	30	15	15	140

Handwritten signature

		phát triển cộng đồng thể thao hiệu quả.						
CNGD7081	Chuyên ngành 5: Thực hành Tổ chức & Truyền thông Sự kiện Thể thao	Học phần này giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết vào thực tế, tham gia trực tiếp vào các khâu tổ chức, điều hành và truyền thông sự kiện thể thao; phát triển kỹ năng làm việc nhóm, xử lý tình huống, thiết kế kế hoạch truyền thông, quảng bá và đánh giá hiệu quả sự kiện trong môi trường thực tế.	4	60	30	15	15	140
2.4	Kiến thức thực hành, nghiệp vụ TDTT cơ bản		30	450	99	351		1050
THDK7044	Điền kinh	Kết thúc học phần, sinh viên có khả năng: Thực hiện các kỹ thuật cơ bản về chạy, nhảy, ném trong điền kinh. Phân tích nguyên lý kỹ thuật và phương pháp huấn luyện điền kinh. Áp dụng kiến thức để tổ chức và điều hành thi đấu điền kinh. Đánh giá và hướng dẫn kỹ thuật điền kinh cơ bản.	4	60	12	48		140
THBO7048	Bơi lội	Kết thúc học phần, sinh viên có khả năng: Thực hiện thành thạo kỹ thuật bơi cơ bản (trườn sấp, ếch, tự do). Áp dụng kỹ thuật xuất phát, quay vòng và an toàn dưới nước. Phân tích và hướng dẫn kỹ thuật bơi cho người mới học. Tổ chức hoạt động bơi lội và sơ cứu tai nạn dưới nước.	4	60	12	48		140
THTD7046	Thể dục	Kết thúc học phần, SV có khả năng: Thực hiện các bài tập thể dục cơ bản, Aerobic và sử dụng dụng cụ hỗ trợ. Phân tích tác dụng của các bài tập thể dục đối với sức khỏe. Áp dụng kiến thức để tự xây dựng chương trình tập luyện cá nhân. Hướng dẫn các bài tập thể dục phù hợp với nhiều đối tượng khác nhau.	4	60	12	48		140
THTC7059	Trò chơi vận động	Kết thúc học phần, sinh viên có khả năng: Thực hiện các trò chơi vận động cơ bản và nâng cao. Phân tích tác dụng của trò chơi vận động đối với sự phát triển thể chất và tinh thần. Sáng tạo và biên soạn trò chơi vận động phù hợp với các đối tượng khác nhau.	2	30	15	15		70

Thanh

		Tổ chức và điều hành hiệu quả các hoạt động trò chơi vận động.						
Kiến thức thực hành tự chọn nhóm 1 (4/12 TC)								
THBD7054	Bóng đá	Kết thúc học phần, SV có khả năng: Thực hiện các kỹ thuật cơ bản về di chuyển, sút bóng, chuyền bóng và dẫn bóng. Phân tích chiến thuật thi đấu và nguyên lý hoạt động trong bóng đá. Áp dụng kiến thức để tổ chức và điều hành giải đấu bóng đá cơ sở. Hướng dẫn kỹ thuật và phát triển phong trào bóng đá tại cộng đồng.	4*	60	12	48		140
THBC7055	Bóng chuyền (BC hơi)	Kết thúc học phần, sinh viên có khả năng: Thực hiện các kỹ thuật cơ bản: đệm bóng, chuyền bóng, phát bóng, đập bóng. Phân tích nguyên lý kỹ thuật và chiến thuật thi đấu bóng chuyền. Áp dụng kiến thức để tổ chức và trọng tài các giải đấu bóng chuyền cơ sở. Hướng dẫn kỹ thuật và phát triển phong trào bóng chuyền.	4*	60	12	48		140
THBR7053	Bóng rổ	Kết thúc học phần, sinh viên có khả năng: Thực hiện các kỹ thuật cơ bản: dẫn bóng, chuyền bóng, ném rổ, di chuyển. Phân tích nguyên lý kỹ thuật và chiến thuật thi đấu bóng rổ. Áp dụng kiến thức để tổ chức và trọng tài các giải đấu bóng rổ cơ sở. Hướng dẫn kỹ thuật và phát triển phong trào bóng rổ.	4*	60	12	48		140
Kiến thức thực hành tự chọn nhóm 2 (4/12 TC)								
THBB7052	Bóng bàn	Kết thúc học phần, sinh viên có khả năng: Thực hiện các kỹ thuật cơ bản: giao bóng, đỡ giao bóng, tấn công và phòng thủ. Phân tích nguyên lý kỹ thuật và chiến thuật thi đấu bóng bàn. Áp dụng kiến thức để tổ chức và trọng tài các giải đấu bóng bàn cơ sở. Hướng dẫn kỹ thuật và phát triển phong trào bóng bàn.	4*	60	12	48		140
THCL7051	Cầu lông	Kết thúc học phần, sinh viên có khả năng: Thực hiện các kỹ thuật cơ bản: phát cầu, đánh cầu trên cao, đập cầu, đỡ cầu. Phân	4*	60	12	48		140

		tích nguyên lý kỹ thuật và chiến thuật thi đấu cầu lông. Áp dụng kiến thức để tổ chức và trọng tài các giải đấu cầu lông cơ sở. Hướng dẫn kỹ thuật và phát triển phong trào cầu lông.					
THQV7056	Quần vợt	Kết thúc học phần, sinh viên có khả năng: Thực hiện các kỹ thuật cơ bản: giao bóng, đánh bóng hai tay, volley, smash. Phân tích nguyên lý kỹ thuật và chiến thuật thi đấu quần vợt. Áp dụng kiến thức để tổ chức và trọng tài các giải đấu quần vợt cơ sở. Hướng dẫn kỹ thuật và phát triển phong trào quần vợt.	4*	60	12	48	140
Kiến thức thực hành tự chọn nhóm 3 (4/12 TC)							
THVT7057	Võ thuật	Kết thúc học phần, sinh viên có khả năng: Thực hiện các kỹ thuật cơ bản và bài quyền truyền thống. Phân tích nguyên lý kỹ thuật và giá trị văn hóa của võ thuật. Áp dụng võ thuật như phương tiện rèn luyện thể chất và tự vệ. Hướng dẫn kỹ thuật cơ bản và tổ chức hoạt động võ thuật.	4*	60	12	48	140
THPK7065	Pickleball	Kết thúc học phần, sinh viên có khả năng: Thực hiện các kỹ thuật cơ bản: giao bóng, volley, dinks và groundstroke. Phân tích luật chơi, chiến thuật và nguyên lý kỹ thuật trong Pickleball. Áp dụng kiến thức để tổ chức và điều hành giải đấu Pickleball cơ sở. Hướng dẫn kỹ thuật và phát triển phong trào Pickleball.	4*	60	12	48	140
THCV7067	Cờ vua	Kết thúc học phần, sinh viên có khả năng: Áp dụng các nguyên tắc cơ bản và chiến thuật trong các giai đoạn khai cuộc, trung cuộc và tàn cuộc. Phân tích thế cờ và đưa ra các nước đi chiến lược hiệu quả. Thực hành tư duy phân biện và kỹ năng giải quyết vấn đề thông qua các ván đấu. Tổ chức và điều hành các giải đấu cờ vua cơ sở.	4*	60	12	48	140
Kiến thức thực hành tự chọn nhóm 4 (2/6 TC)							
THGY7064	Gym	Kết thúc học phần, SV có khả năng: Áp dụng các nguyên tắc	2*	30	6	24	70

		tập luyện khoa học và kỹ thuật sử dụng thiết bị Gym. Phân tích nhu cầu tập luyện và xây dựng giáo án phù hợp cho các đối tượng khác nhau. Đánh giá hiệu quả tập luyện và điều chỉnh chương trình tập khi cần thiết. Hướng dẫn an toàn và hiệu quả các bài tập Gym cơ bản đến nâng cao.					
THGF7062	Golf	Kết thúc học phần, sinh viên có khả năng: Thực hiện các kỹ thuật cơ bản: cầm gậy, swing, putt và các cú đánh trên fairway. Phân tích nguyên lý kỹ thuật và chiến lược chơi golf trên sân. Áp dụng kiến thức về luật chơi và nghi thức sân golf trong thực tế. Hướng dẫn kỹ thuật cơ bản và tổ chức hoạt động golf.	2*	30	6	24	70
THKV7070	Khiêu vũ thể thao	Kết thúc học phần, sinh viên có khả năng: Thực hiện các kỹ thuật cơ bản và tổ hợp động tác của các vũ điệu khiêu vũ thể thao. Phân tích đặc điểm kỹ thuật, phong cách biểu diễn và tính chất âm nhạc của các vũ điệu. Vận dụng kiến thức đã học để xây dựng bài tập khiêu vũ hoàn chỉnh. Kết hợp nhuần nhuyễn giữa kỹ thuật khiêu vũ với khả năng cảm thụ âm nhạc.	2*	30	6	24	70
Kiến thức thực hành tự chọn nhóm 5 (2/6 TC)							
THBS7071	Bi sắt	Kết thúc học phần, sinh viên có khả năng: Thực hiện các kỹ thuật cơ bản và nâng cao trong môn Bi sắt. Phân tích các tình huống thi đấu và đề xuất phương án xử lý hiệu quả. Áp dụng chiến thuật phù hợp trong các tình huống thi đấu khác nhau. Vận dụng kiến thức đã học để tổ chức và điều hành giải đấu Bi sắt cơ sở.	2*	30	6	24	140
THAN7060	Âm nhạc vũ đạo	Kết thúc học phần, SV có khả năng: Thực hiện các động tác vũ đạo cơ bản của các vùng miền Việt Nam và 4 điệu khiêu vũ thể thao. Phân tích đặc điểm âm nhạc và phong cách biểu diễn của các điệu vũ đạo. Kết hợp nhuần nhuyễn giữa động tác vũ đạo với các yếu tố âm nhạc. Hướng dẫn và	2*	30	6	24	140

		tổ chức các hoạt động vũ đạo cơ bản trong môi trường thể thao.					
THYG7063	Yoga	Kết thúc học phần, sinh viên có khả năng: Thực hiện thành thạo các tư thế (asana) và kỹ thuật thở (pranayama) cơ bản trong Yoga. Phân tích được tác dụng của các bài tập Yoga đối với sức khỏe thể chất và tinh thần. Áp dụng nguyên tắc tập luyện Yoga an toàn, hiệu quả cho bản thân và hướng dẫn người khác. Thiết kế được chuỗi bài tập Yoga cơ bản phù hợp với từng đối tượng tập luyện.	2*	30	6	24	70
2.5	Kiến thức thực tập, trải nghiệm		12				
NVKT70178	Kiến tập		3				
NVTH70177	Thực tế		3				
NVTT70179	Thực tập tốt nghiệp		6				
2.6	Khóa luận tốt nghiệp / Học phần thay thế		6				
KLTN70181	Khóa luận tốt nghiệp		6				
CSLT70273	Hoặc học phần thay thế (môn chuyên sâu, chuyên đề, báo cáo thực tế, đề án tốt nghiệp)		6				
Tổng			130		1080	540	60
					1680		

8. Hướng dẫn thực hiện

- Chương trình đào tạo được thực hiện trong 04 năm, mỗi năm có 2 học kỳ chính và 01 học kỳ phụ (học kỳ hè) theo học chế tín chỉ. Sinh viên nhập học được đăng ký mặc định trong học kỳ 1, các kỳ sau sinh viên tự đăng ký theo kế hoạch giảng dạy của trường. Các học phần được sắp xếp linh hoạt theo từng học kỳ, sinh viên có thể đăng ký học trước hoặc học sau các học phần, không bắt buộc theo trình tự của kế hoạch dự kiến nếu đáp ứng các điều kiện của học phần đăng ký. Sinh viên có thể học vượt để tốt nghiệp sớm sơ với thời gian thiết kế.

- Nội dung cần đạt được của từng học phần, khối lượng kiến thức (lý thuyết/Thực hành/Tự học) và cách đánh giá học phần được quy định trong ĐCCT mỗi học phần.

Điều kiện tốt nghiệp: sinh viên cần tích lũy đủ khối lượng kiến thức của CTĐT, đạt chuẩn đầu ra tin học và ngoại ngữ, có chứng chỉ GDQP-AN và hoàn thành các học phần quy định khác của trường.

tranh



Phan Thanh Hải